TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 - HUẾ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **125**/2026/HS-ST	
Ngày: 26/5/2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên toà*: Ông Lê Vũ Tiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quốc Huy và bà Mai Thị Thanh Thảo.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:*** Ông Trương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế (Địa chỉ: Số F N, phường T, thành phố H) đã xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 97/2026/TLST-HS, ngày 14 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Lê Duy T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/9/1992 tại thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số 031092009910; nơi cư trú: Số B T, phường A, thành phố Hải Phòng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Lê Duy Y, sinh năm 1965 và bà Cao Thị Thanh L, sinh năm 1967; vợ là bà Trần Thị L1, sinh năm 1991; có 02 con (lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2018); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2026, đến ngày 08/4/2026 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L2 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/01/1995 tại thành phố Cần Thơ; căn cước công dân số 093095005301; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; vợ con: chưa có; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2026, đến ngày 08/4/2026 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Chị Hà Thị G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Chị Lê Khánh D, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số H C, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

3. Chị Đỗ Thị Ngọc H1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số H C, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số H C, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

5. Chị Danh Phi T1, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Số H C, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

6. Anh Tống Văn Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: B L, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

7. Anh Lương Sơn T2, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 2 P, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02 năm 2025, Lê Duy T thuê lại tầng 2 của Khách sạn C2 tại địa chỉ số H C, phường T, thành phố H với số tiền thuê là 30.000.000 đồng/01 tháng, thời hạn thuê là 04 năm. Đến tháng 6 năm 2025, T đăng ký kinh doanh dịch vụ massage có tên Điêu T3 (Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 31K8000999) và tuyển các nhân viên nữ gồm: Hà Thị G (sinh năm 1992, thường trú tại Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk); Lê Khánh D (sinh năm 1998, thường trú tại Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ); Đỗ Thị Ngọc H1 (sinh năm 1980, thường trú tại Ấp L, xã L, tỉnh An Giang); Nguyễn Thị Kim C1 (sinh năm 1985, thường trú tại 4 L, phường P, tỉnh Gia Lai); Danh Phi T1 (sinh năm 2005, thường trú tại Tổ F, ấp M, xã D, tỉnh An Giang); Phan Thị Nhật V (sinh năm 1991, thường trú tại thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa); Đoàn Thị Hồng D1 (sinh năm 1990, thường trú tại thôn P, xã Q, thành phố Đà Nẵng) và Dương Thị N (sinh năm 1995, thường trú tại 4 C, phường P, thành phố H). Cơ sở massage Đ1 gồm có 10 phòng trong đó có 9 phòng massage, và 01 phòng nhân viên. T bố trí để các nhân viên massage gồm Lê Khánh D; Phan Thị Nhật V; Nguyễn Thị Kim C1; Dương Thị N và Đoàn Thị Hồng D1 cùng sinh sống và làm việc tại cơ sở massage nêu trên.

T quy định các gói dịch vụ massage gồm nhiều loại giá, cụ thể: Vé Vip số tiền là 400.000 đồng với dịch vụ xông hơi, tắm và nhân viên massage cho khách, trong đó T sẽ được hưởng toàn bộ số tiền vé, nhân viên chỉ được hưởng tiền boa của khách. Vé siêu V1 (Massage N) số tiền 1.300.000 đồng với dịch vụ xông hơi, nhân viên sẽ khoả thân tắm và dùng ngực trần trườn lên người khách, trong đó T hưởng tiền vé 500.000 đồng, nhân viên hưởng 800.000 đồng. Vé Super V1 số tiền 2.600.000 đồng với dịch vụ tương tự như vé siêu V1 (Massage N) nhưng sẽ có hai nhân viên nữ phục vụ cho

khách và T sẽ được hưởng 1.000.000 đồng tiền vé, mỗi nhân viên sẽ được hưởng 800.000 đồng.

Do cơ sở massage ít khách nên từ tháng 01 năm 2026, T đã đồng ý để cho một số nhân viên massage bán dâm tại cơ sở massage Điêu Thuyền của mình để thu hút khách. Quá trình bán dâm, khách và nhân viên tự thoả thuận giá cả mua bán dâm và nhân viên trực tiếp thu tiền của khách. T quy định số tiền bán dâm không được quá 1.000.000 đồng/01 lượt và T được hưởng lợi từ việc thu tiền vé massage của khách. Từ tháng 11 năm 2025, T thuê Nguyễn Văn L2 làm nhân viên tại cơ sở Đ1, thực hiện công việc bán vé, đón khách, sắp xếp và hướng dẫn khách đến các phòng Massage. Biết cơ sở massage của T có nhân viên bán dâm nhưng được T trả lương với số tiền 8.000.000 đồng/01 tháng nên L2 đồng ý làm. Để điều hành hoạt động massage và bán dâm, T sử dụng điện thoại di động đăng nhập tài khoản Telegram có tên "Tung Con " và lập nhóm T4 có tên: "Báo phòng điêu thuyền", trong nhóm này T đưa L2 có tên tài khoản "Ben" và các nhân viên Massage để chỉ đạo, điều hành, theo dõi hoạt động của nhân viên Massage.

Vào lúc 22 giờ 00 ngày 10/01/2026, tại Cơ sở Đ1 thuộc tầng 2 tòa Khách sạn C3, địa chỉ số H C, phường T, thành phố H; Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang tại phòng 777, 01 cặp đôi nam nữ là Hà Thị G và Tống Văn Q (sinh ngày 16/11/1985, thường trú tại: B L, phường P, thành phố H) đã thực hiện xong hành vi mua bán dâm; tại phòng 111, 01 cặp đôi nam nữ là Lê Khánh D và Lương Sơn T2 (sinh năm 1987, thường trú tại I L, phường P, thành phố H) đã thỏa thuận số tiền mua bán dâm là 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại thời điểm kiểm tra còn có 04 phòng nhân viên đang có hành vi massage cho khách, cụ thể: Phòng 666, Đỗ Thị Ngọc H1 đang thực hiện gói dịch vụ massage Nuru cho khách là Phan Hữu L3 (sinh năm 1978, thường trú tại: G L, phường V, thành phố Hà Nội). Phòng 333, Nguyễn Thị Kim C1 đang thực hiện gói dịch vụ massage Nuru cho khách là Lữ Minh H2 (sinh năm 1971, thường trú tại: Ấp B, xã Đ, tỉnh An Giang). Phòng 222, Danh Phi T1 đang thực hiện gói dịch vụ massage Nuru cho khách là Ngô Nguyên Đ (sinh năm 1974, thường trú tại: C N, phường V, thành phố H). Phòng 888, Dương Thị N đang chuẩn bị thực hiện gói dịch vụ massage Nuru cho khách là Nguyễn Tuấn N1, nhưng chưa thực hiện việc massage thì lực lượng Công an vào kiểm tra.

Tổng số tiền vé massage mà Lê Duy T đã thu của khách trong ngày 10/01/2026 là 11.200.000 đồng. Trong đó, thu tiền vé massage đối với 02 trường hợp nhân viên bán dâm là 800.000 đồng. Trong tháng 01 năm 2026, Nguyễn Văn L2 đã tạm ứng tiền lương của mình từ Lê Duy T số tiền 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*** Vật chứng, đồ vật tạm giữ:**

+ 03 (ba) bảng dịch vụ Đ1;

+ 01 (một) bảng mã QR chuyển tiền ngân hàng tên: Le Duy T5 thuộc Ngân hàng S;

+ 01 (một) sổ màu xanh bên ngoài có ghi dòng chữ sổ quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự;

+ 01 (một) tờ giấy đề ngày 10/1/2026 ghi thông tin: Massage Điêu Thuyền, tên nhân viên, số phòng, loại vé Massage, số tiền vé.

+ Tiền ngân hàng N2: 4.060.000 đồng;

+ 04 (bốn) camera nhãn hiệu IMOU;

+ 01 (một) dấu tên H3 kinh doanh Massage Đ.

+ 01 (một) bao cao su và vỏ bao cao su đã qua sử dụng;

+ 12 (mười hai) bao cao su chưa sử dụng.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 31K8000999;

+ 01 (một) Hợp đồng thuê phòng khách sạn số 0125/HĐTMB-KS;

+ 01 (một) biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A06 5G, IMEI 1: 355659325829269; IMEI 2: 357403735829264 (thu giữ từ Lê Duy T);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro, IMEI 1: 863980044700176; IMEI 2: 863980044700168 (thu giữ từ Lê Duy T);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max (thu giữ từ Nguyễn Văn L2).

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSKV1 ngày 14 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế đã truy tố các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 về tội "Chứa mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Duy T từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng:

+ Đối với các vật chứng là: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 31K8000999; 01 (một) Hợp đồng thuê phòng khách sạn số 0125/HĐTMB-KS; 01 (một) Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; 01 (một) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; 01 (một) Dấu tên H3 kinh doanh Đ1 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng

hình thức trả lại cho chủ sở hữu là Lê Duy T nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Đối với các vật chứng: 03 (ba) bảng dịch vụ Massage Điêu Thuyền; 01 (một) sổ màu xanh bên ngoài có ghi dòng chữ sổ quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; 01 (một) bảng mã QR chuyển tiền ngân hàng tên: Le Duy T5 thuộc Ngân hàng S; 01 (một) tờ giấy đề ngày 10/1/2026 ghi thông tin: Massage Điêu Thuyền, tên nhân viên, số phòng, loại vé Massage, số tiền vé; 01 (một) bao cao su và vỏ bao cao su đã qua sử dụng; 12 (mười hai) bao cao su chưa sử dụng là vật chứng được sử dụng vào mục đích phạm tội, không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với các vật chứng: 04 (bốn) camera nhãn hiệu IMOU; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro, IMEI 1: 863980044700176; IMEI 2: 863980044700168 của Lê Duy T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max của Nguyễn Văn L2. Xét thấy các vật chứng trên được các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A06 5G, IMEI 1: 355659325829269; IMEI 2: 357403735829264 của Lê Duy T. T không sử dụng điện thoại nêu trên vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho T.

+ Đối với số tiền ngân hàng N2: 4.060.000 đồng là số tiền do thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Lê Duy T đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất hợp pháp là 800.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000318 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H nên đề nghị nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Văn L2 đã nộp lại số tiền 4.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000319 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; xét thấy số tiền nêu trên là từ thu lợi bất chính mà có nên đề nghị nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2].Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với

các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 22 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 01 năm 2026, tại Cơ sở Đ1 thuộc tầng 2 Khách sạn C2, địa chỉ số H C, phường T, thành phố H; Lê Duy T và Nguyễn Văn L2, đã có hành vi chứa mại dâm nhằm thu lợi bất chính số tiền vé 800.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế truy tố các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 về tội "Chứa mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, sức khoẻ con người và là nguyên nhân làm lây truyền các loại virus gây bệnh nguy hiểm như bệnh HIV/AIDS. Các bị cáo đã biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án phù hợp để cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, nên các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Văn L2 đã tự nguyện nộp lại số tiền từ thu lợi bất hợp pháp là 800.000 đồng và 4.000.000 đồng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo Lê Duy T là người chủ mưu, bị cáo Nguyễn Văn L2 là đồng phạm với vai trò người giúp sức. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

[6]. Về hình phạt: Xét hai bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, trong thời gian bị tạm giam đã nhận ra sai phạm của mình, nên không cần thiết phải cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương theo dõi, giáo dục cũng đủ sức răn đe và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Nguyễn Văn L2 là người đi làm thuê, không có thu nhập ổn định nên xét thấy không cần phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn L2. Đối với bị cáo Lê Duy T là chủ cơ sở Đ1, có công việc thu nhập, ổn định nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều

327 Bộ luật Hình sự để tước một phần kinh tế của bị cáo T để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng:

+ Đối với các vật chứng: 03 (ba) bảng dịch vụ Massage Điêu Thuyền; 01 (một) sổ màu xanh bên ngoài có ghi dòng chữ sổ quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; 01 (một) bảng mã QR chuyển tiền ngân hàng tên: Le Duy T5 thuộc Ngân hàng S; 01 (một) tờ giấy đề ngày 10/1/2026 ghi thông tin: Massage Điêu Thuyền, tên nhân viên, số phòng, loại vé Massage, số tiền vé; 01 (một) bao cao su và vỏ bao cao su đã qua sử dụng; 12 (mười hai) bao cao su chưa sử dụng là vật chứng được sử dụng vào mục đích phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với các vật chứng: 04 (bốn) camera nhãn hiệu IMOU; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro, IMEI 1: 863980044700176; IMEI 2: 863980044700168 (thu giữ từ Lê Duy T) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max (thu giữ từ Nguyễn Văn L2). Xét thấy các vật chứng nêu trên được các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A06 5G, IMEI 1: 355659325829269; IMEI 2: 357403735829264 của bị cáo Lê Duy T, bị cáo T không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại điện thoại nêu trên cho Lê Duy T;

+ Đối với số tiền ngân hàng N2: 4.060.000 đồng là số tiền do thu lợi bất hợp pháp mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Các vấn đề khác:

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn L2 nộp tại Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tiền số 0000319 ngày 23/4/2026. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền nêu trên là số tiền mà bị cáo L2 ứng tiền từ Lê Duy T có nguồn gốc từ phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 800.000 đồng mà bị cáo Lê Duy T nộp tại Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tiền số 0000318 ngày 23/4/2026 là số tiền do thu lợi bất hợp pháp mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Văn L2 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2 phạm tội "Chứa mại dâm".

[2]. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Duy T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Duy T cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/5/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

[3]. Hình phạt bổ sung:

Phạt bổ sung bị cáo Lê Duy T số tiền 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

+ Trả lại cho Lê Duy T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A06 5G, IMEI 1: 355659325829269; IMEI 2: 357403735829264;

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) bảng dịch vụ Massage Điêu Thuyền; 01 (một) sổ màu xanh bên ngoài có ghi dòng chữ sổ quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; 01 (một) bảng mã QR chuyển tiền ngân hàng tên: Le Duy T5 thuộc Ngân hàng S; 01 (một) tờ giấy đề ngày 10/1/2026 ghi thông tin: Massage Điêu Thuyền, tên nhân viên, số phòng, loại vé Massage, số tiền vé; 01 (một) bao cao su và vỏ bao cao su đã qua sử dụng; 12 (mười hai) bao cao su chưa sử dụng;

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 04 (bốn) camera nhãn hiệu IMOU; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro, IMEI 1: 863980044700176; IMEI 2: 863980044700168 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố H và Phòng Thi hành dân sự Khu vực 1 - Huế ngày 05/5/2026).

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 4.060.000 đồng (Bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi lập ngày 04/5/2026 từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đến Thi hành án dân sự thành phố H.

- Sung quỹ Nhà nước số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) do bị cáo Lê Duy T nộp tại Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tiền số 0000318 ngày 23/4/2026.

- Sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Văn L2 nộp tại Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tiền số 0000319 ngày 23/4/2026.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Duy T và Nguyễn Văn L2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Lê Duy T và bị cáo Nguyễn Văn L2 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1 – Huế
- Phòng PV06 CA TP.Huế;
- CQĐT CA TP.Huế;
- CQ THAHS CA TP.Huế;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường An Biên;
- UBND xã Tân Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Vũ Tiến